

河內，2021 年 12 月 20 日

決定

頒行“疫苗護照”表格和核發流程

醫療部部長

根據 2007 年傳染病防控法；

根據政府於 2017.06.20 頒布規定關於醫療部的職能、任務權限及組織結構的第 75/2017/NĐ-CP 號議定；

根據信息技術局局長的提議，

決定：

- 1、隨附本決定頒行“疫苗護照”的表格和核發流程。
- 2、隨附本決定的“疫苗護照”的表格和核發流程在全國接種機關上統一適用。
- 3、本決定自簽署、頒行之日起生效。
- 4、交信息技術局局長、預防醫療局局長、部級辦公廳主任、部級稽查主任、司長、局長、醫療部下屬各司、局、總局的總局長；醫療部直轄單位的首長；中央直轄省、市醫療廳經理；相關行業和單位的醫療首長負責實施本決定。

收件：

- 如第 4 條；
- 武德儋副總理（以匯報）；
- 阮青龍部長（以匯報）；
- 外交部、公安部、通信及新聞部（以配合）；
- 各醫療部次長；
- 存檔：文書、信息技術。

代部長簽

次長

（已簽名蓋章）

陳文舜

“疫苗護照”的表格及核發流程

（隨附醫療部 2021.12.20 第 5772/QĐ-BYT 號決定）

1. “疫苗護照”表格

1.1. 信息字段顯示：

1. 姓名；
2. 出生日期；
3. 國籍；

4. 認證針對的疫病；
5. 接種劑量；
6. 接種日期；
7. 劑量編號；
8. 疫苗種類；
9. 疫苗產品；
10. 疫苗供應商或生產商；
11. 證書的編號。

上述信息將進行數字簽名、加密並打包成 2D 二維碼。具體要求將在第 4 項中描述。

1.2. 上述信息包括姓名、出生日期及身份證、公民身份證或護照等確定所有者身份的身份證。

1.3. 證書針對的疫病、疫苗、疫苗種類和疫苗供應商或生產商的信息將與世界衛生組織電子信息網站上更新的“*COVID-19 vaccine tracker and landscape*”文件和歐盟（EU）頒行的“*Value Sets for EU Digital COVID Certificates*”對應顯示。

1.4. 接種日期和接種劑量用於確定接種信息。

1.5. 二維碼自創建之日起 12 個月後失效。



圖 1：移動設備上在越南接種新冠疫苗電子證書的插圖

## 2. “疫苗護照”核發流程

### 2.1. 流程圖



## 2.2. 流程描述

- **步驟一**：疫苗接種機構根據醫療部於 2021.10.21 頒布指引關於新冠疫苗接種和信息的確認流程之第 8938/BYT-DP 號公文及醫療部於 2021.11.05 頒布指引關於在新冠疫苗接種管理平台上確認民眾信息的流程之第 9438/BYT-CNTT 號公文審查、確認、確實接種新冠疫苗的民眾的信息。

- **步驟二**：疫苗接種機構在新冠疫苗接種管理平台上對新冠接種數據進行數字簽名。新冠疫苗接種管理平台依醫療部頒布關於醫療數據鏈接的規定與核發新冠疫苗接種證書管理系統鏈接、共享疫苗接種數據。

新冠疫苗接種管理平台上的新冠疫苗接種數據需滿足第 3 項和第 4 項的規定。

- **步驟三**：醫療部預防醫療局對新冠疫苗接種證書進行數字簽名。該證書使用第 5 項規定的歐盟標準二維碼格式。

國家疫病預防應用程序和其他實用應用（若經個人用戶的同意）依醫療部頒行的醫療數據共享指引進行接收和保存二維碼格式的新冠疫苗接種證書。

## 3. 新冠疫苗接種數據標準化

序號	信息	例如
<b>個人信息</b>		
1	姓名	阮文 A
2	出生日期	1999.10.20
3	電話號碼	0912345678
4	身份證/公民身份證號碼	001123456789
5	護照號碼	若有
6	國籍	越南
<b>第一劑量</b>		
7	疫苗*	EU/1/20/1528
8	疫苗種類	1119305005
9	供應商/生產商*	ORG-100030215
10	接種劑量	1
11	接種日期	2021.06.20
12	接種單位	
13	管理機構	
<b>第二劑量</b>		
14	疫苗*	EU/1/20/1528

15	疫苗種類	1119305005
16	供應商/生產商*	ORG-100030215
17	接種劑量	2
18	接種日期	2021.07.20
19	接種單位	
20	管理機構	
21	接種總劑量	2
接種機構的數字簽名		

\* 供應商或生產商根據第 4 項國際編碼清單填寫疫苗、疫苗種類。

#### 4. 國籍編碼清單

##### 4.1. 疫病

代碼	疫病名稱
840539006	COVID-19

##### 4.2. 疫苗種類

代碼	疫苗種類
1119305005	antigen SARS-CoV-2 疫苗
1119349007	mRNA SARS-CoV-2 疫苗
J07BX03	其他新冠疫苗

##### 4.3. 疫苗產品

代碼	疫苗/疫苗產品名稱
EU/1/20/1528	Comirnaty/ Pfizer
EU/1/20/1507	Spikevax (previously COVID-19 Vaccine Moderna)/Moderna
EU/1/21/1529	Vaxzevria/ Astrazeneca
EU/1/20/1525	COVID-19 Vaccine Janssen/ Janssen
Hayat-Vax	Hayat-Vax/ Hayat-Vax
BBIBP-CorV	BBIBP-CorV/ Vero-Cell
Sputnik-V	Sputnik-V/ Sputnik
Abdala	Abdala/ Abdala

##### 4.4. 生產商/商標名稱

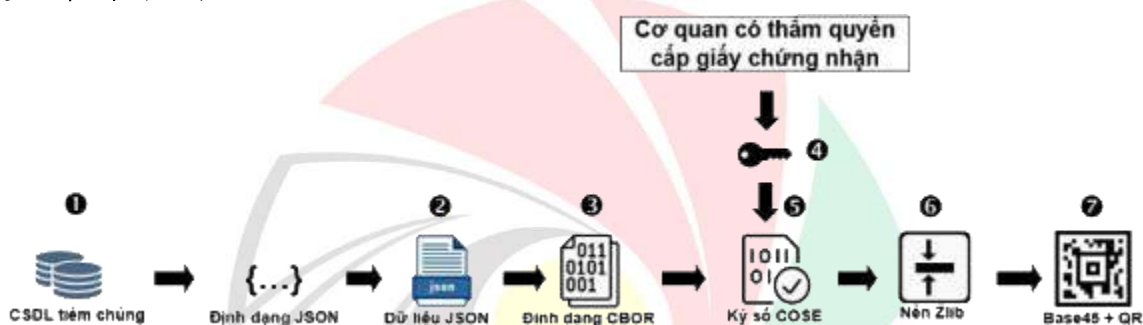
代碼	生產商/商標
ORG-100030215	BioNTech Manufacturing GmbH



ORG-100031184	Rovi Pharma Industrial Services, S.A, Spain Recipharm Monts, France
ORG-100001699	AstraZeneca, AB
ORG-100001417	Janssen-Cilag International NV
ORG-100023050	Gulf Pharmaceutical Industries
ORG-100020693	Beijing Institute of Biological Products Co., Ltd
CIGB	Cuba CIGB (Center for Genetic Engineering and Biotechnology)

## 5. 創建二維碼技術流程

### 5.1. 創建二維碼的流程



### 5.2. 創建二維碼流程中的技術要求

序號	內容	技術要求
1	格式化第二部分中的數據	Json 格式 (依 RFC7159)
2	將 JSON 數據轉換為 CBOR	使用算法將 JSON 格式轉換為 CBOR 格式 (依 RFC 8392)
3	數字簽名	使用 2048 位 RSA 數字簽名算法 (依 RFC 8230) 和 SHA-256 散列算法 (依 ISO/IEC 10118-3:2004)
4	CBOR 數據的加密和壓縮	使用 COSE 協定 (依 RFC 8152)
5	壓縮已經 COSE 的數據	使用 Zlib 算法 (依 RFC1950)
6	更改數據結構	使用 BASE45 算法
7	創建 2D 圖像	使用 ASCII 算法 (依 ICAO 文件 9303 第 3 部分) 並形成二維碼 (依 ISO/IEC 18004:2015)

~ 恒利翻譯，謹供參考 ~

**BỘ Y TẾ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: 5772/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**BAN HÀNH BIỂU MẪU VÀ QUY TRÌNH CẤP “HỘ CHIẾU VẮC XIN”**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

*Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007;*

*Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ Quy định Chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu mẫu và quy trình cấp “Hộ chiếu vắc xin”.

**Điều 2.** Biểu mẫu và quy trình cấp “Hộ chiếu vắc xin” ban hành theo Quyết định này được áp dụng thống nhất tại tất cả các cơ sở tiêm chủng trên cả nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

**Điều 4.** Các Ông, Bà: Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Cục trưởng Cục Y tế dự phòng, Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng Cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ Y tế; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế; Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng y tế các ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- PTTg. Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Bộ trưởng Nguyễn Thanh Long (để báo cáo);
- Các bộ: Ngoại giao, Công an, Thông tin và Truyền thông (để phối hợp);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Lưu: VT, CNTT.

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**

**Trần Văn Thuấn**

### **BIỂU MẪU VÀ QUY TRÌNH CẤP “HỘ CHIẾU VẮC XIN”**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5772/QĐ-BYT ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế)*

#### **1. Biểu mẫu “Hộ chiếu vắc xin”**

1.1. Các trường thông tin hiển thị:

- Họ và tên;
- Ngày tháng năm sinh;

3. Quốc tịch;
4. Bệnh dịch mà chứng nhận nhắm tới;
5. Số mũi tiêm đã nhận;
6. Ngày tiêm;
7. Liều số;
8. Vắc xin;
9. Sản phẩm vắc xin;
10. Nhà cung cấp hoặc sản xuất vắc xin;
11. Mã số của chứng nhận.

Các thông tin trên sẽ được ký số, mã hoá và được đóng gói dưới dạng mã QR định dạng 2D. Yêu cầu cụ thể sẽ được mô tả tại Mục 4.

1.2. Các thông tin trên bao gồm họ và tên và ngày sinh kết hợp với giấy tờ định danh khác như CMND, CCCD hay hộ chiếu để giúp định danh người sở hữu.

1.3. Các thông tin về bệnh dịch mà chứng nhận nhắm tới, vắc xin, loại vắc xin và nhà cung cấp hoặc sản xuất sẽ được hiển thị tương ứng với tài liệu **“COVID-19 vaccine tracker and landscape”** của WHO được cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của WHO và **“Value Sets for EU Digital COVID Certificates”** do Liên minh Châu Âu (EU) ban hành.

1.4. Ngày tiêm và số mũi tiêm đã nhận để xác định thông tin tiêm chủng.

1.5. Mã QR hết hạn sau 12 tháng kể từ ngày khởi tạo.



Hình 1: Minh họa Chứng nhận điện tử đã tiêm vắc xin COVID-19 của Việt Nam trên thiết bị di động



## 2. Quy trình cấp “Hộ chiếu vắc xin”

### 2.1. Sơ đồ quy trình



### 2.2. Mô tả quy trình

- **Bước 1:** Các cơ sở tiêm chủng rà soát, xác minh, xác thực thông tin người dân tiêm chủng vắc xin COVID-19 theo hướng dẫn tại Công văn số 8938/BYT-DP ngày 21/10/2021 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn quy trình xác minh thông tin và tiêm chủng vắc xin COVID-19 và Công văn số 9438/BYT-CNTT ngày 5/11/2021 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn Quy trình xác thực thông tin người dân trên Nền tảng Quản lý tiêm chủng COVID-19.

- **Bước 2:** Các cơ sở tiêm chủng thực hiện ký số dữ liệu tiêm chủng vắc xin COVID-19 trên Nền tảng Quản lý tiêm chủng COVID-19. Nền tảng Quản lý tiêm chủng COVID-19 kết nối, chia sẻ dữ liệu tiêm chủng với Hệ thống Quản lý cấp chứng nhận tiêm chủng vắc xin COVID-19 đáp ứng theo các quy định về kết nối dữ liệu y tế do Bộ Y tế ban hành.

Dữ liệu tiêm chủng vắc xin COVID-19 trên Nền tảng Quản lý tiêm chủng COVID-19 cần đáp ứng quy định tại Mục 3 và Mục 4.

- **Bước 3:** Cục Y tế dự phòng - Bộ Y tế thực hiện ký số giấy xác nhận tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 tập trung. Chứng nhận được cấp sử dụng định dạng mã QR theo tiêu chuẩn của EU quy định tại Mục 5.

Các ứng dụng phòng chống dịch quốc gia và các ứng dụng tiện ích khác (nếu được sự đồng ý của cá nhân người sử dụng) tiếp nhận và lưu giữ xác nhận tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 dạng mã QR theo hướng dẫn trao đổi dữ liệu y tế do Bộ Y tế ban hành.

### 3. Chuẩn hóa dữ liệu tiêm chủng vắc xin COVID-19

TT	Thông tin	Ví dụ
<b>Thông tin cá nhân</b>		
1	Họ và tên	Nguyễn Văn A
2	Ngày sinh	20/10/1999
3	Số điện thoại	0912345678
4	Số Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân	001123456789
5	Số hộ chiếu	Nếu có
6	Quốc tịch	Việt Nam
<b>Mũi tiêm số 1</b>		
7	Vắc xin*	EU/1/20/1528
8	Loại vắc xin*	1119305005

9	Nhà cung cấp/sản xuất*	ORG-100030215
10	Mũi tiêm số	1
11	Ngày tiêm	20/6/2021
12	Tên đơn vị tiêm chủng	
13	Tên cơ sở quản lý	
<b>Mũi tiêm số 2</b>		
14	Vắc xin*	EU/1/20/1528
15	Loại vắc xin*	1119305005
16	Nhà cung cấp/sản xuất*	ORG-100030215
17	Mũi tiêm số	2
18	Ngày tiêm	20/7/2021
19	Tên đơn vị tiêm chủng	
20	Tên cơ sở quản lý	
21	<b>Tổng số liều đã tiêm</b>	2
Chữ ký số của cơ sở tiêm chủng		

\*Vắc xin, loại vắc xin và nhà cung cấp hoặc sản xuất điền theo thông tin tại Mục 4. Danh mục các bảng mã quốc tế

#### 4. Danh mục các bảng mã quốc tế

##### 4.1. Bệnh dịch

Code	Tên bệnh dịch
840539006	COVID-19

##### 4.2. Loại Vắc xin

Code	Tên loại vắc xin
1119305005	Vắc xin antigen SARS-CoV-2
1119349007	Vắc xin mRNA SARS-CoV-2
J07BX03	Vắc xin Covid-19 khác

##### 4.3. Sản phẩm Vắc xin

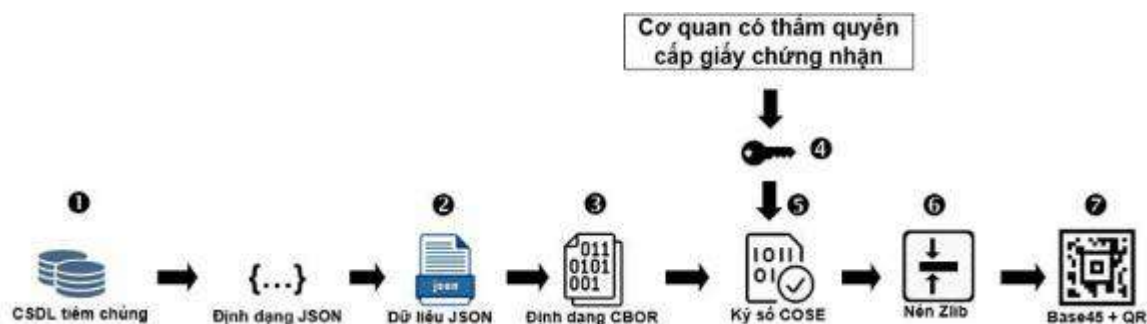
Code	Tên sản phẩm vắc xin/ tên vắc xin
EU/1/20/1528	Comirnaty/ Pfizer
EU/1/20/1507	Spikevax (previously COVID-19 Vaccine Moderna)/Moderna
EU/1/21/1529	Vaxzevria/ Astrazeneca
EU/1/20/1525	COVID-19 Vaccine Janssen/ Janssen
Hayat-Vax	Hayat-Vax/ Hayat-Vax
BBIBP-CorV	BBIBP-CorV/ Vero-Cell
Sputnik-V	Sputnik-V/ Sputnik
Abdala	Abdala/ Abdala

#### 4.4. Tên nhà sản xuất/thương hiệu

Code	Tên nhà sản xuất/thương hiệu
ORG-100030215	BioNTech Manufacturing GmbH
ORG-100031184	Rovi Pharma Industrial Services, S.A, Spain Recipharm Monts, France
ORG-100001699	AstraZeneca, AB
ORG-100001417	Janssen-Cilag International NV
ORG-100023050	Gulf Pharmaceutical Industries
ORG-100020693	Beijing Institute of Biological Products Co., Ltd
CIGB	Cuba CIGB (Center for Genetic Engineering and Biotechnology)

### 5. Quy trình kỹ thuật tạo mã QR

#### 5.1. Quy trình khởi tạo mã QR



Hình 2: Quy trình khởi tạo mã QR

#### 5.2. Yêu cầu kỹ thuật với các bước trong quy trình khởi tạo mã QR

STT	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
1	Định dạng dữ liệu tại phần II	Định dạng Json (theo RFC 7159)
2	Chuyển dữ liệu JSON thành CBOR	Sử dụng thuật toán chuyển đổi định dạng JSON thành định dạng CBOR (theo RFC 8392)
3	Ký số	Sử dụng thuật toán ký số RSA (theo RFC 8230) 2048 bits cùng thuật toán băm SHA-256 (theo ISO/IEC 10118- 3:2004)
4	Mã hoá và nén dữ liệu CBOR	Sử dụng giao thức COSE (theo RFC 8152)
5	Nén dữ liệu đã được COSE	Sử dụng thuật toán Zlib (theo RFC1950)
6	Thay đổi cấu trúc dữ liệu	Sử dụng thuật toán BASE45
7	Tạo hình ảnh 2D	Sử dụng thuật toán ASCII (theo phần 3 tài liệu ICAO 9303) và hình thành mã vạch QR (theo ISO/IEC 18004:2015)